

Số: 05 /2018/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Tờ trình số 6171/TTr-STC ngày 11/12/2017 và văn bản số 640/STC-HCSN ngày 13/02/2018), Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 260/BC-STP ngày 15/11/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp.

Những nội dung chi, mức chi không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp Tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cơ quan có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Mức chi một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: Theo phụ biểu chi tiết kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/3/2018.

Điều 3. Các Ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ninh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- CT, P1, P2, P3, P4;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TM3.
50 bản, QĐ64

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Long

PHỤ BIỂU:

QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH
(Bản hướng dẫn kèm theo Quyết định số **05** /2018/QĐ-UBND ngày **09** /3/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



ST T	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: Nghìn đồng)			Ghi chú	
		Cấp Tỉnh	Cấp huyện, TX, TP	Cấp xã		
1	Lập nhiệm vụ, dự án:					
1.1	Lập nhiệm vụ	2.000	1.500	1.000		
1.2	Lập dự án	5.000	3.500	2.500		
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư					
2	Hợp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (mẫu có)	Buổi họp	Áp dụng theo quy định như nguồn vốn đầu tư			
	- Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	350	250	Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	- Thành viên, thư ký	người/buổi	300	200	150	
	- Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	150	100	70	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	Bài viết	500	350	250	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	200	150	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	350	250	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát					
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	350	250	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin					
	- Cá nhân	Phiếu	50	40	30	
	- Tổ chức	Phiếu	100	70	50	



ST T	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: Nghìn đồng)			Ghi chú		
		Cấp Tỉnh	Cấp địa phương				
			Cấp huyện, TX, TP	Cấp xã			
4.3	Chi cho điều tra viện công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài) đối với các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định đơn giá các hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)				
4.4	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	100	100	100	Chi áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu căn có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên	
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	200	200	200		
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo	5.000	3.500	2.500		
			- Nhiệm vụ	15.000	10.000	7.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)		- Dự án				
			- Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	700	500	350
			- Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/ buổi	600	400	300
			- Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/ buổi	300	200	150



ST T		Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: Nghìn đồng)			Ghi chú
			Cấp Tỉnh	Cấp địa phương		
				Cấp huyện, TX, TP	Cấp xã	
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	100	70	
	- Bài nhận xét của ủy viên phân biện	Bài viết	500	350	250	
	- Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	200	150	
	- Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	300	200	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)	người/buổi hội thảo				
	- Người chủ trì		500	350	250	
	- Thư ký hội thảo		300	200	150	
	- Đại biểu được mời tham dự		150	100	70	
	- Báo cáo tham luận	Bài viết	350	250	200	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ					
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:					
	- Chủ tịch hội đồng	người/buổi	400	300	200	
	- Thành viên, thư ký		200	150	100	
8.2	Nghiệm thu dự án:					
	- Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	700	500	350	
	- Thành viên, thư ký hội đồng		400	300	200	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	bài viết	500	350	250	
	- Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	400	300	200	

ST T	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: Nghìn đồng)			Ghi chú
		Cấp Tỉnh	Cấp địa phương		
			Cấp huyện, TX, TP	Cấp xã	
		150	100	70	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã				
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	người/tháng		Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204 ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cb ccvv và LLVT nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	người/tháng		Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	
10	Chi giải thưởng môi trường:				
	+ Tổ chức		10.000	7.000	5.000
	+ Cá nhân		7.000	5.000	3.500

